

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI MỘC HÓA**
-----o0o-----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA**

Kiến Tường, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-UB ngày 03/5/2001 của Ủy ban Nhân Dân tỉnh Long An “V/v chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương mại Tổng hợp Mộc Hóa thành Công ty Cổ phần”.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đôngcủa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa đã được thông qua ngày / / , Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa được xây dựng căn cứ theo Điều lệ Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa (Sau đây được gọi là “**Điều lệ Công ty**”) nhằm đảm bảo thực hiện vai trò lãnh đạo và chức năng quản lý của Hội đồng Quản trị (Sau đây được gọi là “**HDQT**”), quy định cụ thể nguyên tắc, chế độ làm việc của HDQT cũng như xác định mối quan hệ giữa HDQT với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Công ty cổ phần Thương Mại Mộc Hóa.

2. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HDQT, của các Thành viên HDQT và của cán bộ, nhân viên khác hoạt động trong lĩnh vực quản lý của Công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HDQT

1. HDQT là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông (Sau đây được gọi là “**ĐHĐCĐ**”) bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. HDQT gồm 03 thành viên, HDQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ quy định tại Điều lệ Công ty.

2. HDQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người quản lý Công ty;

d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác;

đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

h) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm;

l) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

n) Phân cấp cho Giám đốc Công ty các quyền thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, việc phân cấp phải được thể hiện trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc bằng văn bản cụ thể;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức khác;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

đ) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty;

e) Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

g) Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT;

h) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa họp ĐHĐCĐ;

i) Ký các văn bản nhân danh ĐHĐCĐ;

k) Chủ tịch HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty.

2. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thực hiện nhiệm vụ được thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT

1. Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn chung của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và tổng hợp tại Điều 2 Quy chế này, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến vị trí, điều kiện công tác và năng lực cá nhân theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT.

3. Tham gia dự thảo nội dung các cuộc họp của HĐQT để đưa ra thảo luận tại cuộc họp HĐQT.

4. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

5. Tham dự các phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp.

6. Thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

7. Các thành viên HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Công ty.

8. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

9. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

10. Đăng ký địa chỉ giao dịch của mình để Công ty liên hệ khi cần thiết và cam kết xem như đã nhận được thông báo, tài liệu khi người gửi chứng minh đã gửi đúng địa chỉ đăng ký này.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

2. Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình, đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động quản lý Công ty.

3. Chương trình hoạt động của HĐQT theo các kỳ họp HĐQT và hàng năm theo Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và yêu cầu công tác của Công ty.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thanh toán các chi phí này phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận và không trái với Quy chế Tài chính của Công ty.

Điều 6. Chức năng điều hành của Giám đốc

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc, và sẽ ký hợp đồng quy định tổng mức thu nhập.

2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về hoạt động điều hành Công ty.

3. Giám đốc có quyền phân công, ủy quyền cho các Phó Giám đốc, Trưởng phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nếu có), CBNV trong Công ty hoặc cá nhân khác ngoài Công ty phụ trách giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của mình nhưng Giám đốc vẫn phải chịu toàn bộ trách nhiệm cho các phần việc được phân công.

4. Thẩm quyền ký duyệt các nội dung liên quan đến tài chính thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Điều 7. Thư ký

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của HĐQT và do Giám đốc ký Hợp đồng lao động.

2. Nhiệm vụ của thư ký Công ty

a) Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT, chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT;

b) Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

c) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

d) Tổng hợp trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT các đề nghị, văn bản, tài liệu do Giám đốc trình;

đ) Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của HĐQT, bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT. Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Công ty;

e) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;

g) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT về công việc được giao.

3. HĐQT sử dụng Bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG II. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Chế độ làm việc của HĐQT

1. HĐQT họp ít nhất mỗi quý 01 lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT (họp định kỳ). Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này.

3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công; phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.

4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Điều 9. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất 03 ngày trước khi tổ chức cuộc họp.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng fax, thư điện tử, đường bưu điện hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

2. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi nhận được đề nghị bằng văn bản sau của:

a) Giám đốc hoặc ít nhất 03 Người quản lý;

b) Ít nhất 02 thành viên HĐQT;

c) Chủ tịch HĐQT;

d) Đa số thành viên trong Ban kiểm soát;

đ) Kiểm toán viên độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty.

3. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn hoặc những người đề nghị tổ chức cuộc họp (Trừ mục điểm e khoản 2 điều này) sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất 01 ngày trước khi tổ chức cuộc họp.

4. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty. Trong khả năng cho phép, người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Giám đốc Công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp.

5. Địa điểm cuộc họp sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp quyết định.

6. Chủ tọa phiên họp HĐQT định kỳ trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT. Đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp.

Điều 10. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên HĐQT tham dự trực tiếp hay theo ủy quyền.

2. Nếu triệu tập lần thứ nhất nhưng không đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ hai vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm, cùng thời gian và khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

Điều 11. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, thư ký, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty.

2. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn Công ty dự họp.

Điều 12. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT

1. Những người được mời họp có nghĩa vụ chuẩn bị các nội dung cần thảo luận của mình dựa trên tài liệu mời họp để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

2. Khi cần thiết, những người này có thể liên hệ với thư ký hoặc người triệu tập cuộc họp mà không phải Chủ tịch HĐQT để yêu cầu cung cấp thêm thông tin.

Điều 13. Họp trực tuyến

1. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

2. Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 14. Biên bản cuộc họp của HĐQT

1. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT, được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ chữ ký của Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và Chủ tịch HĐQT hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp.

2. Theo phân công của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty để thực hiện.

3. Biên bản sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

4. Biên bản họp HĐQT được ghi vào sổ có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp, nếu có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản và sổ biên bản thì nội dung của Biên bản sẽ ưu tiên áp dụng.

Điều 15. Nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành Nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp.

2. Nguyên tắc thông qua Nghị quyết của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền hợp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT là 01 quyền biểu quyết. HĐQT thông qua các Nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có Chủ tịch HĐQT.

3. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT phải được ban hành chậm nhất không quá 07 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp HĐQT hoặc ngày chốt lấy ý kiến đối với trường hợp thông qua bằng văn bản và phải được gửi ngay đến tất cả thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc để phối hợp triển khai và giám sát thực hiện.

4. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Nghị quyết của HĐQT có thể được thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết (giơ tay) ngay tại cuộc họp HĐQT.

Điều 16. Thông qua các Nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản với điều kiện là các thành viên HĐQT phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị HĐQT xem xét quyết nghị.

2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu do Chủ tịch HĐQT gửi, các thành viên HĐQT phải gửi ý kiến về cho thư ký tổng hợp. Nếu quá thời hạn trên mà không gửi hoặc có gửi nhưng đến trễ thì xem như đã đồng ý với nội dung cần lấy ý kiến.

3. Trong trường hợp này, các Nghị quyết của HĐQT chỉ có hiệu lực khi được ít nhất 2/3 tổng số thành viên HĐQT gửi phiếu tán thành. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như định kỳ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua Nghị quyết của HĐQT.

Điều 17. Quyết định của HĐQT

1. Căn cứ Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty.

2. Các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc để theo dõi và giám sát thực hiện.

CHƯƠNG III

PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 18. Trong lĩnh vực hợp tác và đầu tư

1. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT quyết định việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty liên doanh, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Trong từng thời điểm nhất định, căn cứ đề nghị của Giám đốc Công ty và của người đại diện phần vốn góp của Công ty, HĐQT có thể quyết định điều chỉnh các khoản vốn góp này trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT nhằm mục đích bảo toàn và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả nhất.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Giám đốc Công ty và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư, sử dụng vốn và các nội dung khác liên quan đến đầu tư ra bên ngoài thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 19. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản

1. HĐQT xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư với tổng mức đầu tư được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty.

2. Giám đốc Công ty xem xét quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch đầu tư XDCB đã được HĐQT phê duyệt.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư nêu tại khoản 1, 2 có quyền phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và các công việc khác

trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đấu thầu, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Trong lĩnh vực mua sắm, mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

1. Đối với việc tổ chức mua sắm hàng hóa và dịch vụ (vật tư, nguyên nhiên vật liệu,...) trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt trong kế hoạch hàng năm, Giám đốc Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Đối với việc mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (mua bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện phương án kinh doanh, cho thuê tài sản, trang thiết bị và cung cấp dịch vụ từ nguồn lực của Công ty,...), Giám đốc Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 21. Trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự

1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy

a) HĐQT quyết định thành lập và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc (nếu có) theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

b) Giám đốc Công ty quyết định thành lập và giải thể các phòng ban chức năng của Công ty.

2. Về lĩnh vực nhân sự

a) HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;

b) Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh không do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

3. Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài (nếu có).

Giám đốc quyết định cử cán bộ của Công ty đi công tác nước ngoài theo yêu cầu công việc.

Điều 22. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền

1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.

2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:

a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT phê duyệt;

b) Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

c) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ phần, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY

Điều 23. Quan hệ làm việc với Ban Kiểm soát (BKS)

1. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

3. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 24. Quan hệ làm việc với bộ máy điều hành Công ty

1. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành của Giám đốc Công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác,... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

2. HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng, nhân viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét các vấn đề có liên quan.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty; Tất cả các hồ sơ, văn bản của Ban điều hành Công ty trình HĐQT, thư ký có trách nhiệm gửi cho HĐQT ngay trong ngày làm việc tiếp theo.

4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT để phối hợp xử lý.

5. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu phải được quản lý riêng.

6. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.

7. Các hồ sơ, văn bản do Ban điều hành trình HĐQT, HĐQT có văn bản trả lời hoặc ban hành Nghị quyết, Quyết định trong thời gian tối đa là 10 ngày làm việc.

Điều 25. Quan hệ làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên (nếu có), quan hệ với cổ đông

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên (nếu có) thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này tại Công ty.

2. HĐQT đồng ý cho Giám đốc Công ty ký thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn Công ty và tạo cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn Công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.

3. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

4. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. HĐQT, thành viên HĐQT, các phòng ban, cá nhân, chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nếu có) trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Phòng ban, cá nhân, chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nếu có) vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị thi hành kỷ luật với các hình thức tương xứng theo quy định hiện hành.

Điều 27. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế, điều khoản thi hành

Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề xuất của các thành viên HĐQT hoặc của BKS, Giám đốc Công ty, hoặc khi có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết ĐHCĐ thông qua.

Các thành viên HĐQT, Giám đốc, các phòng ban, cá nhân, chi nhánh, đơn vị trực thuộc (nếu có) của Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Luật số 76/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đôngcủa Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa đã được thông qua ngày / / ;

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của **Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa** (dưới đây gọi là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;

b) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

c) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;

d) *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập;

đ) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

g) “Người quản lý Công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng;

h) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty;

k) Vốn có quyền biểu quyết là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông;

l) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

m) “Chi nhánh” là các đơn vị phụ thuộc của Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa, bao gồm các trạm bán lẻ xăng dầu, tổng kho bách hóa, cơ sở giết mổ gia súc, được Công ty thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện hạch toán phụ thuộc Công ty;

n) “Cơ sở liên doanh” là cơ sở sản xuất Nước Việt.

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA**

Tên tiếng Anh: **MOC HOA JOINT STOCK TRADING COMPANY**

Tên giao dịch:

Tên viết tắt: **MJC**

Logo:



2. Hình thức sở hữu và tư cách pháp nhân

a) Công ty là Công ty cổ phần, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản bằng toàn bộ tài sản do Công ty sở hữu, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Công ty thuộc sở hữu của các cổ đông, trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

a) Địa chỉ : Số 72, Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh.

b) Điện thoại : 0272 3 842 845

c) E-mail : phongtochuc@mjc.vn

4. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc chấm dứt hoạt động Công ty trước thời hạn quy định tại Điều 44 Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty

a) Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, công khai, tôn trọng pháp luật, bảo toàn vốn và sinh lợi;

b) Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty;

c) Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội đồng cổ đông;

đ) Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, tuân thủ theo các quy định pháp luật.

6. Công ty có các phòng ban, bộ phận, các chi nhánh, cơ sở liên doanh

Công ty có thể thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển hoặc đóng cửa các phòng ban, bộ phận, chi nhánh, cơ sở liên doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, phát huy quyền tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới thương mại (trừ môi giới-kinh doanh bất động sản), đại lý ký gởi và tiêu thụ hàng hóa (tất cả các sản phẩm của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước) | 4610 |
| 2 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh lương thực, hạt điều, lúa gạo, hạt giống các loại, hàng nông sản, thức ăn gia súc | 4620 |
| 3 | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá | 4634 |
| 4 | Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, nước uống đóng chai | 4633 |
| 5 | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng | 4312 |
| 6 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống | 5610 |
| 7 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | 4649 |

| | | |
|----|--|------|
| | Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng điện gia dụng, văn hóa phẩm, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | |
| 8 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm; Kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý chuyên ngành của bộ y tế. | 4632 |
| 9 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển xăng dầu, vận tải hàng hóa | 4933 |
| 10 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển xăng dầu, vận tải hàng hóa | 5022 |
| 11 | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá cây-tinh khiết | 3530 |
| 12 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành công - lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, giao thông, thiết bị văn phòng | 4659 |
| 13 | Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất, chế biến: hạt điều, lúa, gạo, hạt giống các loại | 1030 |
| 14 | Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ truy cập internet, game online | 6190 |
| 15 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | 1010 |
| 16 | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 1020 |
| 17 | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật | 1040 |
| 18 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | 1080 |
| 19 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629 |
| 20 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 2012 |
| 21 | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp | 2021 |
| 22 | Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng sử dụng trong y tế và gia dụng | 2029 |
| 23 | Hoạt động thú y | 7500 |
| 24 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn | 0145 |
| 25 | Chăn nuôi gia cầm | 0146 |
| 26 | Chăn nuôi khác | 0149 |
| 27 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 0161 |
| 28 | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi | 0162 |
| 29 | Nuôi trồng thủy sản nội địa | 0322 |
| 30 | Quảng cáo | 7310 |
| 31 | Điều hành tua du lịch | 7912 |
| 32 | Bán lẻ tổng hợp lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn | 4711 |
| 33 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép | 4641 |
| 34 | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh | 4772 |

| | | |
|----|---|--|
| 35 | Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh | 2023 |
| 36 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4661 |
| 37 | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào | 4724 |
| 38 | Hoạt động liên quan đến du lịch khác | 7990 |
| 39 | Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 4651 |
| 40 | Đại lý lữ hành | 7911 |
| 41 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 42 | Cung ứng nguồn nhân lực khác | 7822 |
| 43 | Hoạt động vui chơi giải trí khác | 9329 |
| 44 | Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy | 4663 |
| 45 | Dịch vụ spa và xông hơi | 9623 |
| 46 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 1105 |
| 47 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4679 |
| 48 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự | 5510 |
| 49 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4671 (Chính) |
| 50 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4673 |
| 51 | Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4662 |
| 52 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 53 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng hóa | 5229 |
| 54 | Giết mổ gia súc, gia cầm. Kinh doanh nước đá cây-tinh khiết. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật (được quy định tại Điều 7, Điều 9 Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ban hành điều lệ bảo vệ thực vật, điều lệ kiểm dịch thực vật và điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật ngày 03/3/2002) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **15.966.200.000** đồng (*Mười lăm tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng*).

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **1.596.620** cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/cổ phần.

- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

3. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

Điều 7. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Cổ đông của Công ty được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu do Công ty phát hành có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần.

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước/số căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

đ. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và con dấu của Công ty.

e. Số đăng ký tại sở cổ đông Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp giấy chứng nhận cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in giấy chứng nhận cổ phần hoặc bất kỳ một khoản phí gì khác.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức của giấy chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phần không bị

ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót gây ra.

5. Trường hợp giấy chứng nhận cổ phần bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy thì cổ đông được Công ty cấp cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy thì cổ đông cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy.

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng, được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác. Cá nhân, tổ chức được tặng cho bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Ban kiểm soát.
- d. Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

đ) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm

đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Chịu rủi ro về thua lỗ và gánh chịu các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty (nếu có) theo tỷ lệ và trong phạm vi tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.

4. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

5. Các cổ đông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và tài liệu khi có yêu cầu.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật.

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức họp mỗi năm một lần, họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Đại hội Đồng cổ đông bất thường được triệu tập để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cần có quyết sách kịp thời.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3b Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3c và 3d Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- d) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông báo báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

k) Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng, lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty (nếu có);

p) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế Hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 15. Triệu tập họp, chương trình họp, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông cũng được triệu tập họp theo các trường hợp được quy định tại khoản 4b hoặc khoản 4c Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Giấy xác nhận cổ đông tham dự;
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 của Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu, số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp, người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự; theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu (thành viên) tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

12. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

13. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

14. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 18. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này, khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 14 Điều 17 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu có liên quan. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số căn cước/số căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số căn cước/số căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề tại Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, giấy xác nhận tham dự của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp với số cổ phần tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho cổ đông tối thiểu 05 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có) để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

h) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông **sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên** theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ **10% đến dưới 20%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức và được chấp nhận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành trực tiếp của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người quản lý Công ty;
- d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác;
- đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;
- e) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- h) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm;
- l) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- n) Phân cấp cho Giám đốc Công ty các quyền thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, việc phân cấp phải được thể hiện trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc bằng văn bản cụ thể;
- o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Công ty;
- c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp

phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và chi phí vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;

e) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

g) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

d) Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty;

đ) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

a) Ban Kiểm soát;

b) Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thông báo và chương trình họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

9. Số thành viên tham dự tối thiểu

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Họp trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tuyến. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tại cuộc họp.

12. Biểu quyết đa số

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp biểu quyết tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và biên bản có đầy đủ nội dung theo cuộc họp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị, có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, hoặc chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ cùng với tài liệu họp theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty.

d) Những vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong Công ty.

đ) Khi có vấn đề cần giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề này để có căn cứ quyết định. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên đó phải gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như đã chấp thuận nội dung đề cập.

Điều 28. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hội đồng quản trị Công ty quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty. Công ty có 01 Giám đốc điều hành và không quá 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi, miễn nhiệm bằng một nghị quyết/quyết định được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương của Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm, được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị quyết định việc kéo dài thời gian nhiệm vụ của Giám đốc trong trường hợp cần thiết.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c) Kiến nghị cơ cấu tổ chức phòng ban, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- đ) Kiến nghị số lượng người quản lý doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế hoạt động nội bộ và kiến nghị thù lao, thu nhập đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- e) Quyết định số lượng người lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tổng thu nhập và các khoản hỗ trợ khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g) Vào ngày 01 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm;
- h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công

ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty (nếu có);

k) Tuyển dụng lao động;

l) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế hoạt động nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

Tư cách Giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau:

a) Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc thay thế khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành;

b) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Giám đốc không còn tư cách Giám đốc theo khoản 5 Điều này, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Giám đốc trong trường hợp chưa bổ nhiệm người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

7. Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.

Người được Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo ủy quyền.

Điều 31. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban, bộ phận, đơn vị, chi nhánh trực thuộc

1. Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Phó Giám đốc giúp Giám đốc theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty; giúp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3. Bộ máy giúp việc: Công ty có các Phòng ban, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành công việc.

4. Công ty có các phòng ban, bộ phận, chi nhánh, đơn vị trực thuộc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5. Các Phòng ban, bộ phận giúp việc chịu sự quản lý, điều hành của Ban Giám đốc theo phân công của Giám đốc.

6. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các Phòng ban, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty và quy định pháp luật.

Điều 32. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm một người làm Thư ký Công ty.

2. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Ứng cử, đề cử Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 34. Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

a) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

i) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

ii) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

iii) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

đ) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thù lao của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

4. Bồi thường

Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

5. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

6. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty căn cứ vào mức đề xuất của Hội đồng quản trị, sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

b) Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;

c) Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng

trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.

2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ như sau:

a) Trích 10% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty;

b) Trích tối thiểu 5% vào quỹ khen thưởng và tối thiểu 5% vào quỹ phúc lợi của Công ty. Tỷ lệ % thực tế cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Năm tài chính, chế độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 41. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 42. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 43. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 44. Chia, Tách, Hợp nhất, Sáp nhập, Chuyển đổi, giải thể và thanh lý tài sản của Công ty

1. Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

2. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công

ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông.

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XIII. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI, HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ

Điều 46. Bổ sung, sửa đổi, hiệu lực Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động

của Công ty. Bản điều lệ sửa đổi, bổ sung này gồm 18 Chương 46 Điều, được chỉnh sửa lần thứ 12, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2026.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

**BẢNG LIỆT KÊ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MỘC HÓA**

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|------------|---|--|--|
| I | Điều lệ Công ty hiện hành | | |
| 1 | Căn cứ | <p>Căn cứ</p> <p>Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;</p> <p>Luật số 76/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;</p> | Bổ sung phần căn cứ theo các quy định mới của pháp luật hiện hành liên quan đến Luật Doanh nghiệp |
| 2 | <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p><i>a) Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm</p> | <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p><i>a) Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua</p> | <p>+ Sửa đổi Điểm a Khoản 1</p> <p>+ Bãi bỏ điểm i</p> <p>+ Bổ sung định nghĩa “Chi nhánh” và “Cơ sở liên doanh”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | <p>2020;</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> | <p>ngày 17 tháng 6 năm 2025</p> <p>m) “Chi nhánh” là đơn vị hạch toán phụ thuộc doanh nghiệp gồm các chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa;</p> <p>n) “Cơ sở liên doanh” là cơ sở sản xuất Nước Việt</p> | |
| 3 | <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty</p> <p>a. Địa chỉ : Số 72, Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.</p> | <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty</p> <p>a) Địa chỉ: Số 72, Trần Hưng Đạo, Phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh.</p> | <p>Cập nhật địa chỉ trụ sở Công ty theo đơn vị hành chính hiện hành.</p> |
| 4 | <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội</p> | <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>2. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.</p> <p>3. bãi bỏ</p> <p>6. bãi bỏ</p> | <p>+ Điều chỉnh khoản 2: Trước điều chỉnh: Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này. Sau điều chỉnh: Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. + Bãi bỏ: Khoản 3, Khoản 6</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> | | |
| 5 | <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông</p> | <p>Điều 7. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</p> <p>2. Cổ phiếu do Công ty phát hành có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước/số căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở</p> | <p>+ Điều chỉnh tiêu đề: Trước điều chỉnh: Chứng nhận cổ phiếu Sau điều chỉnh: Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần + Tại điểm d khoản 2 điều chỉnh: “số căn cước/số căn cước công dân”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức. | chính của cổ đông là tổ chức. | |
| 6 | <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng, trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.</p> | <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng, được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.</p> | <p>+ Tại Khoản 1 bổ sung cụm từ: “trừ khi pháp luật có quy định khác”</p> <p>+ Tại Khoản 1 bãi bỏ cụm từ: “trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng”.</p> <p>+ Tại khoản 2 bãi bỏ cụm từ: “trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải”</p> |
| 7 | Điều 9. Thu hồi cổ phần | | Bãi bỏ điều này |
| 8 | <p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa</p> | <p>Điều 10. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 11 thành điều 10</p> <p>+ Tại khoản 1 bỏ cụm từ: “và loại cổ phần”</p> <p>+ Tại khoản 2: bãi bỏ điểm d</p> <p>+ Tại điểm h khoản 2 bãi bỏ từ, cụm từ tại: “các loại, khác”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | <p>vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số</p> | <p>phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d. Bãi bỏ</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và</p> | <p>+ Tại khoản 3: Điểm b bãi bỏ cụm từ: “bán niên và” Điểm d bãi bỏ cụm từ: “từng loại”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> | <p>nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> | |
| 9 | <p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p> | <p>Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>c. bãi bỏ</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 12 thành điều 11</p> <p>+ Bãi bỏ điểm c khoản 8</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---|
| 10 | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động</p> | <p>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 13 thành điều 12</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính”.</p> <p>+ Tại điểm d khoản 3 bãi bỏ: “nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình”.</p> <p>+ Tại điểm c khoản 4 bãi bỏ: “Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông”.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|--|
| | <p>ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> | |
| 11 | <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường</p> | <p>Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 14 thành điều 13</p> <p>+ Bãi bỏ điểm c khoản 2</p> <p>+ Bãi bỏ điểm d khoản 2</p> <p>+ Tại điểm e khoản 3 bổ sung từ: “Ban kiểm soát”.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---|
| | <p>niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>d) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Quyết định việc tăng, giảm, bổ sung vốn điều lệ của Công ty, phát hành cổ phiếu.</p> <p>e. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.</p> <p>h. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và</p> | <p>quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>d) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau:</p> <p>c. Bãi bỏ</p> <p>d. Bãi bỏ.</p> <p>e. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>h. Bãi bỏ</p> | <p>+ Bãi bỏ điểm h khoản 2</p> <p>+ Bãi bỏ điểm j khoản 2.</p> <p>+ Điều chỉnh điểm p khoản 2: Trước điều chỉnh: bằng hoặc lớn hơn Sau điều chỉnh: từ 35% trở lên</p> <p>+ Điều chỉnh điểm q khoản 2: Trước điều chỉnh: “của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty” Sau điều chỉnh: “của pháp luật”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---|
| | <p>Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> | <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>j. Bãi bỏ</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật</p> | |
| 12 | <p>Điều 15. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị</p> | <p>Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bãi bỏ khoản 3</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 15 thành Điều 14</p> <p>+ Điều chỉnh tiêu đề</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | <p>hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền hủy bỏ chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> | | |
| 13 | Điều 16. Thay đổi các quyền | | Bãi bỏ Điều 16 vì Công ty không có cổ phần ưu đãi |
| 14 | <p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông cũng được triệu tập họp theo các trường hợp được quy định tại khoản 4b hoặc khoản 4c Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được</p> | <p>Điều 15. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông cũng được triệu tập họp theo các trường hợp được quy định tại khoản 4b hoặc khoản 4c Điều 12 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 17 thành Điều 15</p> <p>+ Tại khoản 1 điều chỉnh: “hoặc” thành “ngoài ra”</p> <p>+ Tại điểm a khoản 2 điều chỉnh: “05 ngày thành 10 ngày”</p> <p>+ Tại điểm a khoản 2 bãi bỏ câu: “Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng”.</p> <p>+ Tại điểm g khoản 2 thay thế: “đại hội” thành “cuộc họp”</p> <p>+ Tại khoản 3 điều chỉnh: “10 ngày” thành “21 ngày”</p> <p>+ Tại điểm b khoản 3 điều chỉnh: Trước điều chỉnh: Kiểm soát viên. Sau điều chỉnh: Thành viên ban kiểm soát.</p> <p>+ Tại khoản 4 bỏ cụm từ: “Giấy chứng minh nhân dân” Điều chỉnh: “sổ Thẻ căn cước công dân” thành “sổ căn cước/căn cước công dân”</p> <p>+ Tại điểm d khoản 5 bỏ cụm từ “và Điều lệ này”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---------|
| | <p>lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3.....Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày..., bao gồm:</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% ... họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp ... nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> | <p>mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3.....Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày..., bao gồm:</p> <p>b. Thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% ... họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp ... nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---|
| | <p>5. Người triệu tập họp trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> | <p>5.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p> | |
| 15 | <p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ... của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng, hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại</p> | <p>Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ... của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu thông báo ... vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu, số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 19 thành điều 17</p> <p>+ Tại khoản 2 điều chỉnh từ: “thẻ” thành “phiếu”, bỏ câu “Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội...phản đối để quyết định”, bỏ các cụm từ “hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa”, “căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp”</p> <p>+ Tại điểm c khoản 14 điều chỉnh cụm từ: “bằng hoặc lớn hơn 35%” thành “từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | <p>hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>14. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> | <p>14. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán.</p> | |
| 16 | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây ... tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác.</p> | <p>Điều 18. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây ... tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 20 thành điều 18 + Tại tiêu đề điều chỉnh: “quyết định” thành “Nghị quyết” + Tại điểm d khoản 1 bãi bỏ cụm từ: “trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác”</p> |
| 17 | <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của</p> | <p>Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 21 thành điều 19 + Tại Khoản 1, bổ sung: “tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ” + Tại điểm c khoản 3 điều chỉnh: “thường trú” thành “liên</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|---|
| | <p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 14 điều 19 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, ... biểu quyết của cổ đông;</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên</p> | <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 14 điều 19 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số căn cước/số căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, ... biểu quyết của cổ đông;</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> | <p>lạc”</p> <p>+ Tại khoản 7, điều chỉnh “Biên bản kết quả kiểm phiếu” thành “Biên bản kiểm phiếu”, bổ sung cụm từ “nghị quyết đã được thông qua”, bỏ cụm từ “trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|--|
| | bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. | | |
| 18 | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> | <p>Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>Bãi bỏ khoản 4</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 22 thành Điều 20</p> <p>+ Tại khoản 3 bãi bỏ cụm từ: “công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc”.</p> |
| 19 | <p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày,</p> | <p>Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 23 thành Điều 21</p> <p>+ Tại tiêu đề điều chỉnh từ: “quyết định” thành “Nghị quyết”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---------|
| | <p>kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong</p> | <p>được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. | cơ quan có thẩm quyền. | |
| 20 | <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa ... về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan ... nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).</p> | <p>Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa ... về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan ... nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>f. Bãi bỏ</p> <p>g. Bãi bỏ</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 24 thành điều 22</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị”.</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ điểm f.</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ điểm g.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|--|
| 21 | <p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp ... đối với người điều hành đó.</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> | <p>Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp ... đối với người điều hành đó.</p> <p>m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>o. Bãi bỏ</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 26 thành điều 24</p> <p>+ Tại khoản 2 bổ sung cụm từ: quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>+ Tại điểm e Khoản 2 điều chỉnh: “người điều hành” thành “người quản lý”</p> <p>+ Bổ sung nội dung điểm m</p> <p>+ Tại khoản 2 bãi bỏ Điểm o.</p> <p>+ Tại điểm f khoản 3 điều chỉnh thành điểm đ khoản 3: “ngân sách” thành “chi phí”, Bãi bỏ: “và ngân sách”</p> <p>+ Bãi bỏ: điểm g, h.</p> <p>+ Tại khoản 4 bãi bỏ: “Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua”.</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 5</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---------|
| | <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.</p> <p>Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc, người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị</p> | <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và chi phí vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm.</p> <p>g. Bãi bỏ</p> <p>h. Bãi bỏ</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc, người quản lý khác trong năm tài chính.</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---|
| | <p>không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> | 5. Bãi bỏ | |
| 22 | <p>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> | <p>Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 27 thành điều 25</p> <p>+ Tại khoản 1 điều chỉnh thành: 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>+ Tại khoản 2 điều chỉnh: Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>+ Tại khoản 3 điều chỉnh thành: 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>+ Tại khoản 4 bãi bỏ: “hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị”.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---------|
| | <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một</p> | <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | <p>khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> | <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> | |
| | <p>Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.</p> | <p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 28 thành điều 26 + Tại khoản 1 bãi bỏ: “Đại hội đồng cổ đông hoặc” & “và một Phó Chủ tịch”</p> |
| 23 | <p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị</p> | <p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 29 thành điều 27 + Tại khoản 1 điều chỉnh: Trước điều chỉnh: “Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường</p> <p>d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối</p> | <p>thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3.</p> <p>d. Bãi bỏ</p> <p>8. Thông báo và chương trình họp</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận,</p> | <p>nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.”</p> <p>Sau điều chỉnh: “Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.”</p> <p>+ Tại khoản 3 bãi bỏ: “Các cuộc họp bất thường”</p> <p>+ Tại điểm d khoản 3 bãi bỏ.</p> <p>+ Bổ sung nội dung khoản 4.</p> <p>+ Điều chỉnh khoản 7 thành khoản 8, bãi bỏ: “các Kiểm soát viên”, bổ sung: “Ban kiểm soát”, bãi bỏ: “Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối ... của thành viên Hội đồng quản trị đó.”, bãi bỏ: “và phiếu biểu quyết của các thành viên.”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | <p>thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> | <p>kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.</p> | |
| 24 | <p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)</p> | | <p>Bãi bỏ Điều 30</p> |
| 25 | <p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành và không quá hai (02) Phó Giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội</p> | <p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty. Công ty 01 Giám đốc điều hành và không quá 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi, miễn nhiệm bằng một nghị quyết/quyết định được thông qua một cách hợp thức.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 31 thành điều 29 + Điều chỉnh: “Phó giám đốc điều hành” thành “Phó giám đốc” + Bãi bỏ: “Các chi nhánh, công ty con, đơn vị trực thuộc ... theo quyết định của Công ty.”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|--|
| | <p>đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>Các chi nhánh, công ty con, đơn vị trực thuộc Công ty có bộ máy điều hành gồm một Giám đốc, tối đa hai (02) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng theo quyết định của Công ty.</p> | | |
| 26 | Điều 32. Người quản lý doanh nghiệp | | Bãi bỏ Điều 32 |
| 27 | <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>1. Bổ nhiệm</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công</p> | <p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>1. Bổ nhiệm</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương của Giám đốc.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 33 thành điều 30</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thuê Giám đốc và Phó Giám đốc là người nước ngoài”.</p> <p>+ Tại khoản 2 bãi bỏ cụm từ: “trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể”. “Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty”. Bổ sung “Hội đồng quản trị quyết định việc kéo dài thời gian nhiệm vụ của Giám đốc trong trường</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thuê Giám đốc và Phó Giám đốc là người nước ngoài.</p> <p>2. Nhiệm kỳ</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ</p> | <p>2. Nhiệm kỳ</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm, được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị quyết định việc kéo dài thời gian nhiệm vụ của Giám đốc trong trường hợp cần thiết.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ</p> | <p>hợp cần thiết.”</p> <p>+ Tại điểm a khoản 3 bổ sung từ: “Tổ chức”, “quyết định”; bãi bỏ: “và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua”.</p> <p>+ Điều chỉnh điểm f khoản 3 thành điểm e, bãi bỏ cụm từ: “Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để”, điều chỉnh: “mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản” thành “tổng thu nhập và các khoản hỗ trợ khác”.</p> <p>+ Tại khoản 4 bãi bỏ: “Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.”, “và Đại hội đồng cổ đông”.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> | <p>a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>e. Quyết định số lượng người lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tổng thu nhập và các khoản hỗ trợ khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> | |
| 28 | Điều 34. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc và các phòng ban, bộ phận trực thuộc | Điều 31. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban, bộ phận, đơn vị, chi nhánh trực thuộc | <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh điều 34 thành điều 31 + Bãi bỏ ở tiêu đề: “bộ máy giúp việc và” + Bổ sung vào tiêu đề: “đơn vị, chi nhánh” |
| 29 | <p>Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty</p> | <p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh điều 35 thành điều 32, bãi bỏ: “Người phụ trách quản trị công ty” + Tại khoản 1 bãi bỏ: “ít nhất”, “phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | <p>phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | <p>một người làm Thư ký Công ty.</p> <p>2. Bãi bỏ</p> <p>Mục 3 đổi thành mục 2. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>g) Bãi bỏ h) Bãi bỏ k) Bãi bỏ</p> | <p>phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm , theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp”.</p> <p>+ Tại khoản 2 bãi bỏ.</p> <p>+ Tại khoản 3: “Người phụ trách quản trị” thay thế “Thư ký”</p> <p>+ Tại khoản 3 bãi bỏ điểm g, h, k.</p> |
| 30 | Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên | Điều 33. Ứng cử, đề cử Ban kiểm soát | <p>+ Điều chỉnh điều 36 thành điều 33</p> <p>+ Điều chỉnh tại tiêu đề: “Kiểm soát viên” thay thế thành</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|--|
| | <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> | <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty.</p> | <p>“Ban kiểm soát” + Tại khoản 2 bãi bỏ: “và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử”.</p> |
| 31 | <p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ</p> | <p>Điều 34. Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 37 thành điều 34 + Điều chỉnh tại tiêu đề: “Kiểm soát viên” thành “Ban kiểm soát” + Tại khoản 1 bãi bỏ: “từ , “đến 05” + Tại điểm b khoản 2 bãi bỏ: “hoặc Tổng Giám đốc” + Tại điểm c khoản 2 bãi bỏ: “trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác”. + Tại điểm c khoản 2 bãi bỏ: Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. + Bãi bỏ điểm d, điểm f khoản 2 + Tại khoản 3 bãi bỏ: “Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam”.</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---------|
| | <p>nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác.</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.</p> <p>d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</p> <p>f. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> | <p>nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.</p> <p>d. Bãi bỏ</p> <p>f. Bãi bỏ</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|--|
| 32 | <p>Điều 38. Ban Kiểm soát</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> | <p>Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 38 thành điều 35</p> <p>+ Điều chỉnh tiêu đề</p> <p>+ Tại khoản 2 bãi bỏ: “các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác”</p> |
| 33 | <p>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ</p> | <p>Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 39 thành điều 36</p> <p>+ Điều chỉnh ở tiêu đề CHƯƠNG X: “KIỂM SOÁT VIÊN” thay thế thành “BAN KIỂM SOÁT”</p> <p>+ Bãi bỏ cụm từ: “kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|--|
| | <p>của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p> | | |
| 34 | <p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã</p> | <p>Điều 36. Trách nhiệm cần trọng, trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Bãi bỏ 3. Bãi bỏ 4. Bãi bỏ 5. Bãi bỏ</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 40 thành điều 36 + Bãi bỏ: khoản 1, 3,4,5</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|---------|
| | <p>quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến</p> | | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|---------|
| | <p>họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch</p> | | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|---------|
| | <p>dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ</p> | | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|--|---|
| | chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. | | |
| 35 | <p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> | <p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>4. Bãi bỏ</p> | <p>+ Điều chỉnh điều 42 thành điều 37</p> <p>+ Tại Điều 4 bãi bỏ: “Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty”.</p> |
| 36 | <p>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn</p> | Bãi bỏ | + Bãi bỏ điều 43 |
| 37 | <p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Cổ tức</p> <p>c. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>d. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu</p> | <p>Điều 38. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Cổ tức</p> <p>c. Bãi bỏ</p> <p>d. Bãi bỏ</p> <p>f. Bãi bỏ</p> <p>g. Bãi bỏ</p> | + Điều chỉnh điều 44 thành điều 38 |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|----------------------------------|---------|
| | <p>và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>f. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>g. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ đông này có thể vào cùng ngày hoặc</p> | | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|---|
| | vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu. | | |
| 38 | Điều 45. Tài khoản ngân hàng 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. | Điều 39. Tài khoản ngân hàng 2. Bãi bỏ | + Điều chỉnh Điều 45 thành Điều 39 + Bãi bỏ khoản 2 |
| 39 | Điều 47. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. | Điều 40. Năm tài chính, chế độ kế toán Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp. | + Điều chỉnh Điều 47 thành Điều 40 + Tại khoản 1 bãi bỏ: “hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận”. |
| 40 | XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý | CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH Điều 41. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và | + Điều chỉnh Điều 48 thành Điều 41 + Điều chỉnh XV thành CHƯƠNG XIV, bãi bỏ ở tiêu đề “VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN” + Tại khoản 1 bãi bỏ: “Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền”. + Bãi bỏ: khoản 2, 3, 4 |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---------|
| | <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm báo cáo tình hình tài chính tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty</p> | <p>quý</p> <p>Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.</p> <p>2. bãi bỏ</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|--|
| | <p>và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> | <p>3. bãi bỏ</p> <p>4. bãi bỏ</p> | |
| 41 | <p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị</p> | <p>Điều 42. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 49 thành Điều 42</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc”</p> <p>+ Bãi bỏ: khoản 3, 4</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | <p>này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> | <p>đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. bãi bỏ</p> <p>4. bãi bỏ</p> | |
| 42 | <p>Điều 50. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền</p> | <p>Điều 43. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh</p> | <p>+ Điều chỉnh Điều 50 thành Điều 43</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “có quyền”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|
| | quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp. | nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp. | |
| 43 | Điều 51. Chia, Tách, Hợp nhất, Sáp nhập, Chuyển đổi Công ty Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 198, 199, 200, 201, 203 và 204 của Luật Doanh nghiệp. | Điều 44. Chia, Tách, Hợp nhất, Sáp nhập, Chuyển đổi, giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. | + Điều chỉnh Điều 51 thành Điều 44 + Bãi bỏ: “tại Điều 198, 199, 200, 201, 203 và 204” + Bổ sung: “hiện hành”. |
| II | Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT 1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau: e) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty. Nội dung cụ thể được quy định tại Bảng phân công nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. <i>Cần lưu ý rằng việc</i> | Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT 1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau: e) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty. | + Tại điểm e khoản 3.1 bãi bỏ: “Nội dung cụ thể được quy định tại Bảng phân công nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Cần lưu ý rằng việc phân công này chỉ mang tính chất chia sẻ để xử lý công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT và sau đó HĐQT xem xét quyết định chứ không hàm ý từng thành viên sẽ tự nhân danh HĐQT quyết định các vấn đề được phân công” + Bãi bỏ điểm i khoản 3.1 |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------------------------|
| | <p><i>phân công này chỉ mang tính chất chia sẻ để xử lý công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT và sau đó HĐQT xem xét quyết định chứ không hàm ý từng thành viên sẽ tự nhân danh HĐQT quyết định các vấn đề được phân công;</i></p> <p>i) Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền thường xuyên một số quyền hạn và trách nhiệm cho Phó Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT theo văn bản ủy quyền;</p> | <p>i) bãi bỏ</p> | |
| 2 | <p>Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT</p> <p>9. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;</p> <p>10. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc</p> | <p>Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT</p> <p>9. bãi bỏ 10. bãi bỏ 13. bãi bỏ</p> | <p>Bãi bỏ khoản 9, 10, 13</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|--|
| | <p>giao dịch này theo quy định của pháp luật;</p> <p>13. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trước hoặc trong cuộc họp lần đầu tiên của HĐQT khi xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hay giao dịch này.</p> | | |
| 3 | <p>Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT</p> <p>6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến vi phạm Quy chế quản trị Công ty, Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật.</p> | <p>Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT</p> <p>6. bãi bỏ</p> | |
| 4 | <p>Điều 7. Thư ký và các bộ phận giúp việc của HĐQT</p> | <p>Điều 7. Thư ký Công ty</p> <p>1. HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một thư ký Công</p> | <p>+ Bãi bỏ ở tiêu đề: “và các bộ phận giúp việc của HĐQT”</p> <p>+ Tại khoản 1 bãi bỏ: “HĐQT cũng có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty, trợ lý thư ký Công ty</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|---|---|
| | <p>1. HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của HĐQT và do Giám đốc ký Hợp đồng lao động. HĐQT cũng có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty, trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm (Sau đây gọi chung là “Tổ thư ký”). Tổ thư ký thực hiện trách nhiệm được giao và được hưởng quyền lợi như các cán bộ, công nhân viên khác của Công ty;</p> <p>2. Khi có nhiều Thư ký, Trợ lý, Chủ tịch HĐQT có thể bổ nhiệm một người phụ trách chung;</p> <p>3. Nhiệm vụ của Tổ thư ký Công ty quy định tại Quy chế quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:</p> <p>j) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;</p> | <p>ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của HĐQT và do Giám đốc ký Hợp đồng lao động.</p> <p>2. bãi bỏ</p> <p>3. Nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại Quy chế quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:</p> <p>j) bãi bỏ</p> <p>5. bãi bỏ</p> | <p>tùy từng thời điểm (Sau đây gọi chung là “Tổ thư ký”). Tổ thư ký thực hiện trách nhiệm được giao và được hưởng quyền lợi như các cán bộ, công nhân viên khác của Công ty”</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 2</p> <p>+ Tại khoản 3 bãi bỏ: “Tổ”</p> <p>+ Bãi bỏ điểm j khoản 3</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 4, 5, 6, 7, 8</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---------|
| | <p>5. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban chuyên đề bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều người khác ở ngoài HĐQT nếu cho là phù hợp, do một thành viên HĐQT là Trưởng tiểu ban để thẩm định và/ hoặc tư vấn cho HĐQT xem xét phê duyệt các Đề án hợp tác kinh doanh, các Dự án đầu tư XDCB, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT hoặc do Giám đốc Công ty đề nghị;</p> <p>6. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên;</p> <p>7. Các tiểu ban có thể bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một</p> | <p>6. bãi bỏ</p> <p>7. bãi bỏ</p> <p>8. bãi bỏ</p> | |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|--|
| | <p>(01) thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng ban. Đối với Tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong Bộ phận kế toán của Công ty;</p> <p>8. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự, kiểm toán ...;</p> | | |
| 5 | <p>Điều 9. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời</p> | <p>Điều 9. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức cuộc họp.</p> | <p>+ Bãi bỏ tại khoản 1: “Các thành viên HĐQT có thể từ chối Thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố”</p> <p>+ Bãi bỏ tại khoản 5: “kể cả ở nước ngoài (nếu cần thiết)”</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|---|
| | <p>tham dự ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức cuộc họp. Các thành viên HĐQT có thể từ chối Thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố;</p> <p>5. Địa điểm cuộc họp sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp quyết định, kể cả ở nước ngoài (nếu cần thiết);</p> | <p>5. Địa điểm cuộc họp sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp quyết định.</p> | |
| 6 | <p>Điều 11. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổ thư ký. Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty được mời họp dự thính khi cần thiết;</p> <p>2. Những người quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời tham dự cuộc họp khi cần thiết;</p> <p>3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến thẩm quyền</p> | <p>Điều 11. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT</p> <p>1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm: Thành viên HĐQT, Thư ký, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được mời họp;</p> <p>2. bãi bỏ</p> <p>3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động</p> | <p>+ Tại khoản 1 được điều chỉnh: “Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm: Thành viên HĐQT, Thư ký, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được mời họp”.</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 2</p> <p>+ Bãi bỏ tại khoản 3: “đến thẩm quyền quyết định của chính quyền thì HĐQT có thể mời đại diện của chính quyền có liên quan tham dự cuộc họp”; “Trường hợp có liên quan”; “cơ sở”</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 4</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|--|---|--|
| | <p>quyết định của chính quyền thì HĐQT có thể mời đại diện của chính quyền có liên quan tham dự cuộc họp. Trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty dự họp;</p> <p>4. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> | <p>trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn Công ty dự họp;</p> <p>4. bãi bỏ</p> | |
| 7 | <p>Điều 12. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT</p> <p>2. Khi cần thiết, những người này có thể liên hệ với Tổ thư ký hoặc người triệu tập cuộc họp mà không phải Chủ tịch HĐQT để yêu cầu cung cấp thêm thông tin.</p> | <p>Điều 12. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT</p> <p>2. Khi cần thiết, những người này có thể liên hệ với Thư ký hoặc người triệu tập cuộc họp mà không phải Chủ tịch HĐQT để yêu cầu cung cấp thêm thông tin.</p> | + Bãi bỏ tại khoản 2: “Tổ” |
| 8 | <p>Điều 21. Trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự</p> <p>1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:</p> <p>a) HĐQT quyết định cơ cấu tổ</p> | <p>Điều 21. Trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự</p> <p>1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:</p> <p>a) HĐQT quyết định thành lập và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện</p> | + Bãi bỏ tại điểm a, b khoản 1: a) “quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và ; các xí nghiệp thành viên; b) phù hợp với cơ cấu tổ chức Công ty đã được HĐQT phê duyệt” |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---|
| | <p>chức của Công ty và quyết định thành lập và giải thể công ty con, các xí nghiệp thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện (<i>Đơn vị trực thuộc</i>) theo đề nghị của Giám đốc Công ty; phê chuẩn các Quy chế của Công ty;</p> <p>b) Giám đốc Công ty quyết định thành lập và giải thể các phòng ban chức năng của Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức Công ty đã được HĐQT phê duyệt.</p> | <p>(<i>Đơn vị trực thuộc</i>) theo đề nghị của Giám đốc Công ty; phê chuẩn các Quy chế của Công ty;</p> <p>b) Giám đốc Công ty quyết định thành lập và giải thể các phòng ban chức năng của Công ty.</p> | |
| 9 | <p>Điều 22. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền</p> <p>2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:</p> <p>c) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty.</p> <p>3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ đông, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần,</p> | <p>Điều 22. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền</p> <p>2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:</p> <p>c) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>3. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ đông, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo</p> | <p>+ Bãi bỏ tại điểm c khoản 2: “chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty; bổ sung: có thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty”</p> <p>+ Bãi bỏ tại khoản 3: “lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ sáu (06) tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT”</p> <p>+ Bãi bỏ khoản 4</p> |

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Dự thảo đề nghị sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|-----|---|--|---------|
| | <p>quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ sáu (06) tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT;</p> <p>4. Khi cần thiết, Giám đốc Công ty có thể được HĐQT ủy quyền báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề khác đã được HĐQT xem xét thông qua.</p> | <p>quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.</p> <p>4. bãi bỏ</p> | |